

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÚ CHI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1112/GDĐT
Về nhận giấy chứng nhận bồi dưỡng
thường xuyên năm học 2018-2019

Củ Chi, ngày 10 tháng 9 năm 2019

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo cho các đơn vị Trường Mầm non, Tiểu học và THCS liên hệ với Trường Bồi dưỡng Giáo dục huyện **từ ngày 17 tháng 9 năm 2019 đến ngày 18 tháng 9 năm 2019** để nhận Giấy chứng nhận bồi dưỡng thường xuyên năm học 2018-2019, nộp lệ phí cho Trường Bồi dưỡng Giáo dục. Số lượng giấy chứng nhận của các đơn vị được tổng hợp tại *danh sách đính kèm*.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện nội dung hướng dẫn trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trường BDGD (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, CM.



Nguyễn Huỳnh Long



TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG GIẤY CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN

NĂM HỌC : 2018-2019

(Đính kèm Công văn số 1112/GDDĐT, ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Phòng GD&ĐT)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng Giấy chứng nhận của CBQL, GV	Số tiền	Thành tiền
1	THCS Tân Phú Trung	96	5.000	480.000
2	THCS Tân Thông Hội	62	5.000	310.000
3	THCS Tân Tiến	46	5.000	230.000
4	THCS Thị Trấn	36	5.000	180.000
5	THCS Thị Trấn 2	70	5.000	350.000
6	THCS Tân An Hội	38	5.000	190.000
7	THCS Phước Vĩnh An	42	5.000	210.000
8	THCS Phước Hiệp	28	5.000	140.000
9	THCS Phước Thạnh	43	5.000	215.000
10	THCS Nguyễn Văn Xơ	38	5.000	190.000
11	THCS Trung Lập Hạ	31	5.000	155.000
12	THCS Trung Lập	54	5.000	270.000
13	THCS An Nhơn Tây	47	5.000	235.000
14	THCS An Phú	28	5.000	140.000
15	THCS Phú Mỹ Hưng	24	5.000	120.000
16	THCS Nhuận Đức	31	5.000	155.000
17	THCS Phạm Văn Cội	38	5.000	190.000
18	THCS Phú Hòa Đông	66	5.000	330.000
19	THCS Trung An	44	5.000	220.000
20	THCS Hòa Phú	42	5.000	210.000
21	THCS Bình Hòa	46	5.000	230.000
22	THCS Tân Thạnh Đông	99	5.000	495.000
23	TH-THCS Tân Trung	21	5.000	105.000
24	THCS Tân Thạnh Tây	39	5.000	195.000
TIỂU HỌC				
1	TH Tân Phú	45	5.000	225.000
2	TH Tân Phú Trung	60	5.000	300.000
3	TH Tân Thông	50	5.000	250.000
4	TH Tân Thông Hội	24	5.000	120.000
5	TH Tân Tiến	44	5.000	220.000
6	TH Tân Thành	40	5.000	200.000
7	TH Phước Vĩnh An	25	5.000	125.000
8	TH Trần Văn Châm	29	5.000	145.000
9	TH Thị Trấn Củ Chi 2	17	5.000	85.000
10	TH Thị Trấn Củ Chi	55	5.000	275.000
11	TH Lê Thị Pha	22	5.000	110.000
12	TH Nguyễn Văn Lịch	27	5.000	135.000
13	TH LMCN	29	5.000	145.000
14	TH Phước Hiệp	27	5.000	135.000
15	TH Phước Thạnh	39	5.000	195.000
16	TH An Phước	19	5.000	95.000
17	TH Thái Mỹ	43	5.000	215.000
18	TH Lê Văn Thế	36	5.000	180.000
19	Th Trung Lập Hạ	32	5.000	160.000
20	TH Trung Lập Thượng	26	5.000	130.000
21	TH Nhuận Đức	20	5.000	100.000
22	TH Nhuận Đức 2	20	5.000	100.000

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng Giấy chứng nhận của CBQL, GV	Số tiền	Thành tiền
23	TH Phạm Văn Cội	43	5.000	215.000
24	Nuôi dạy TE Khuyết tật	11	5.000	55.000
25	TH An Nhơn Đông	35	5.000	175.000
26	TH An Nhơn Tây	31	5.000	155.000
27	TH An Phú 1	23	5.000	115.000
28	TH An Phú 2	25	5.000	125.000
29	TH Phú Mỹ Hưng	29	5.000	145.000
30	TH Phú Hòa Đông	41	5.000	205.000
31	TH Phú Hòa Đông 2	26	5.000	130.000
32	TH Tân Thạnh Tây	40	5.000	200.000
33	TH Tân Thạnh Đông	44	5.000	220.000
34	TH Tân Thạnh Đông 2	44	5.000	220.000
35	TH Tân Thạnh Đông 3	37	5.000	185.000
36	TH Trung An	41	5.000	205.000
37	Th Hòa Phú	47	5.000	235.000
38	TH Bình Mỹ 1	23	5.000	115.000
39	TH Bình Mỹ 2	35	5.000	175.000
40	TH-THCS Tân Trung	21	5.000	105.000
41	TH Nguyễn Thị Lăng	12	5.000	60.000
MÂM NON CÔNG LẬP				
1	MN Tân Thông Hội 3	17	5.000	85.000
2	MN Tân Thông Hội 2	9	5.000	45.000
3	MN Tân Thông Hội 4	17	5.000	85.000
4	MN Phú Hòa Đông	37	5.000	185.000
5	MN Hoàng Minh Đạo	18	5.000	90.000
6	MN Tân An Hội 1	17	5.000	85.000
7	MN Phạm Văn Cội 1	23	5.000	115.000
8	MN Bình Mỹ	17	5.000	85.000
9	MN An Phú	23	5.000	115.000
10	MN An Nhơn Tây	25	5.000	125.000
11	MN Thị Trấn Củ Chi 1	17	5.000	85.000
12	MN Phạm Văn Cội 2	12	5.000	60.000
13	MN Tân Phú Trung 1	28	5.000	140.000
14	MN Tân Thông Hội 1	23	5.000	115.000
15	MN Thị Trấn Củ Chi 3	30	5.000	150.000
16	MN Phước Hiệp	13	5.000	65.000
17	MN Phước Thạnh	29	5.000	145.000
18	MN Phước Vĩnh An	19	5.000	95.000
19	MN Trung An 1	12	5.000	60.000
20	MN Thái Mỹ	25	5.000	125.000
21	MN Nhuận Đức	22	5.000	110.000
22	MN Tân Thông Hội 2	33	5.000	165.000
23	MN Thị Trấn Củ Chi 2	46	5.000	230.000
24	MN Trung Lập Thượng	27	5.000	135.000
25	MN Tân Thạnh Tây	16	5.000	80.000
26	MN Tân Phú Trung 2	14	5.000	70.000
27	MN Trung An 2	31	5.000	155.000
28	MN Trung Lập Hạ	19	5.000	95.000
29	MN Tân Thạnh Đông	39	5.000	195.000
30	MN Tây Bắc	12	5.000	60.000

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng Giấy chứng nhận của CBQL, GV	Số tiền	Thành tiền
31	MN Hòa Phú	22	5.000	110.000
MÂM NON NGOÀI CÔNG LẬP				
1	Mn Hoa Lan	29	5.000	145.000
2	MN Ánh Dương Samho	7	5.000	35.000
3	MN Tường Vi	15	5.000	75.000
4	MN Hoa Hồng	18	5.000	90.000
5	MN Sư Đoàn 9	11	5.000	55.000
6	MN Sơn Ca	17	5.000	85.000
7	MN Bé Thông Minh	11	5.000	55.000
8	MN Thành Danh	9	5.000	45.000
9	MN Tuổi Ngọc	18	5.000	90.000
10	MN Thủy Tiên	17	5.000	85.000
11	MN Trúc Xanh	12	5.000	60.000
12	MN Sao Việt	14	5.000	70.000
13	MN Trái Tim Thơ	11	5.000	55.000
14	MN Hoàng Anh	11	5.000	55.000
15	MN Anh Dũng	7	5.000	35.000
16	MN ABC	14	5.000	70.000
17	MN Thanh Phương	7	5.000	35.000

